

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BT
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2020/HS-ST

Ngày: 24-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thúy

Ông Trần Văn Hồ

- Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê An Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

PHẠM ĐỨC T, sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 155/5, ấp PK, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Phạm Minh Đ (đã chết), mẹ: Nguyễn Thị S (đã chết); Bản thân bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/3/2020. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Ông Bùi Thế N, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số 353A, khu phố B, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*** Nguyên đơn dân sự:**

Công ty TCTNHHMTV Ngân hàng VNTV.

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, số 09 đường ĐVB, phường A, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh H, sinh năm 1989 – Chuyên viên điều tra Công ty;

Nơi cư trú: Ấp MB, xã H, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: Số 207A2, khu phố B, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Hiện Đ, sinh năm 2001;

Nơi cư trú: Số 074/TL, ấp TL, xã BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/8/2017, bị cáo Phạm Đức T đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Huỳnh Thành thuộc phường Phú Khương, thành phố BT mua 01 xe mô tô loại WINNER, nhãn hiệu Honda với giá 45.490.000 đồng; Bị cáo trả trước số tiền 14.490.000 đồng, số tiền còn lại Công ty Huỳnh Thành liên kết với Công ty TCNHVNTV để bán trả góp cho bị cáo. Cùng ngày, bị cáo ký hợp đồng tín dụng với Công ty TCNHVNTV để vay số tiền 32.550.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, thời gian thực hiện thanh toán từ tháng 9/2017 đến tháng 8/2019. Công ty TCNHVNTV trả tiền mua xe cho bị cáo và làm giấy chứng nhận đăng ký xe số 128547 do bị cáo đứng tên chủ xe, biển số đăng ký là 71B3-298.31 nhưng Công ty tài chính giữ lại bản chính, chỉ giao cho bị cáo bản sao để sử dụng. Bị cáo thanh toán hợp đồng được 10 kỳ (đến tháng 6 năm 2018) thì bị cáo khóa số điện thoại không liên lạc với Công ty TCNHVNTV để thanh toán tiền 14 kỳ còn lại.

Sau đó, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo liên hệ với tài khoản Facebook có tên “Nguyễn Ngọc D” (không rõ họ, tên và địa chỉ thật) để làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe số 128547, với giá là 2.200.000 đồng. Đến tháng 6 năm 2019, bị cáo đem xe mô tô biển số 71B3-298.31 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe giả bán cho ông Bùi Thế N với giá 25.000.000 đồng. Do tưởng giấy xe là thật nên ông N đồng ý mua và đã trả cho bị cáo số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó ông Nam bán xe này cho ông Nguyễn Văn H với giá 25.000.000 đồng kèm theo giấy tờ xe. Ông H bán xe này cho ông Nguyễn Hiện Đ với giá 29.000.000 đồng.

Đến ngày 24/6/2019, ông Đại đến Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Bến Tre làm thủ tục đăng ký xe mô tô biển số 71B3-298.31. Qua kiểm tra, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 128547 có dấu hiệu bị làm giả nên trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự

Công an tỉnh Bến Tre, tạm giữ xe mô tô biển số 71B3-298.31 và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 128547, biển số đăng ký 71B3-298.31 ghi ngày 10/8/2017, tên chủ xe Phạm Đức T, địa chỉ số 155/5, ấp Phú Khương, xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; 01 xe mô tô biển số 71B3-298.31, loại WINNER, nhãn hiệu HONDA, màu sơn xanh-trắng, số khung RLCHKC2601GY076339, số máy KC26E1108829.

Theo Kết luận giám định số 186/2019/SK-SM-TL ngày 15/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 128547, biển số đăng ký 71B3-298.31, ghi ngày cấp 10/8/2017, tên chủ xe Phạm Đức T, địa chỉ 155/5 Phú Khương, Phú Túc, Châu Thành là giấy giả; phôi giấy và hình dấu được in bằng phương pháp in phun màu; chữ ký mang tên Hồ Văn V trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cần giám định với chữ lý mẫu so sánh của Hồ Văn V không phải do một người ký ra.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT-VKSTPBT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì động cơ tư lợi bị cáo đã sử dụng tài liệu giả của Nhà nước để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước mà còn có hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác; bị cáo đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây mất an ninh trật tự ở địa phương, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, qua xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy: bị cáo “thành khẩn khai báo”, “tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại”, người bị hại Nam xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do hoàn cảnh bị cáo khó khăn;

Bị cáo đã bồi thường cho bị hại Bùi Thế N 10.000.000đồng, bị hại N yêu cầu bị cáo tiếp tục trả số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan ông Nguyễn Hiện Đ, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên ghi nhận.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 71B3-298.31, loại WINNER, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: xanh- trắng, SK: RLHKC2601GY076339, SM: KC26E1108829(đã qua sử dụng) đề nghị bàn giao xe mô tô biển số 71B3-298.31 để Công ty TCNHVNTV xử lý hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Bị cáo Phạm Đức T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do, tuy nhiên họ đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của những họ không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo Phạm Đức T có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự, người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định 186/2019/GĐMT ngày 15/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng tháng 6 năm 2019, bị cáo Phạm Đức T đã có hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 128547 cấp ngày 10/8/2017 mang tên chủ xe Phạm Đức T, biển số đăng ký 71B3-298.31 để bán xe mô tô biển số 71B3-298.31 mà bị cáo Tài đang thế chấp cho Công ty TCNHVNTV cho ông Bùi Thế N và đã chiếm đoạt của ông N số tiền 25.000.000 đồng.

[4] Bị cáo Tài là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã thực hiện hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mang tên bị cáo để đem bán xe cho ông N, trong khi bị cáo đang thế chấp xe cho Công ty TCNHVNTV để vay tiền. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, làm giảm hiệu lực quản lý hành chính của Nhà nước. Bị cáo đã xâm phạm

đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, đồng còn bị cáo còn thực hiện tội phạm khác đó là lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác được Luật Hình sự bảo vệ, đã gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Bản cáo trạng số 50/CT-VKSTPBT ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy:

Đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”: Bị cáo thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại Bùi Thế N; Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại N yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết để nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại Bùi Thế N số tiền 10.000.000đồng, bị hại N yêu cầu bị cáo tiếp tục trả số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan ông Nguyễn Hiện Đ, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

Đại diện Công ty TCNVHNTV xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu bị cáo trả số tiền 22.639.209 đồng hoặc bàn giao xe mô tô biển số 71B3-298.31 để Công ty thanh lý thu hồi nợ. Bị cáo hiện nay không có khả năng thanh toán số tiền 22.639.209 đồng cho Công ty nên đồng ý giao xe mô tô biển số 71B3-298.31 để Công ty thanh lý thu hồi nợ.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 71B3-298.31, loại WINNER, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: xanh- trắng, SK: RLHKC2601GY076339, SM: KC26E1108829 (đã qua sử dụng), bị cáo đã thế chấp tài sản này tại Công ty

TCNHHVNTV(do mua xe trả góp). Hiện nay bị cáo không có khả năng thanh toán hết nợ cho Công ty TCNHHVNTV, bị cáo đồng ý giao xe cho Công ty TCNHHVNTV để xử lý thu hồi nợ. Vì vậy, cần giao tài sản là xe mô tô biển số 71B3-298.31, loại WINNER, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: xanh- trắng, SK: RLHKC2601GY076339, SM: KC26E1108829 (đã qua sử dụng) để Công ty TCNHHVNTV thực hiện thủ tục bán đấu giá thu hồi nợ theo quy định.

[11] Đối với đối tượng tên Nguyễn Ngọc D do không rõ họ và địa chỉ thật nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Phạm Đức T: 02(hai) năm tù;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Phạm Đức T: 06(sáu) tháng tù;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Phạm Đức T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Bị cáo Phạm Đức T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Bùi Thế Nam số tiền 15.000.000(mười lăm triệu)đồng;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao cho Công ty TCNHHVNTV 01 (một) xe mô tô biển số 71B3-298.31, loại WINNER, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: xanh- trắng, SK: RLHKC2601GY076339, SM: KC26E1108829 (đã qua sử dụng), do bị cáo Phạm Đức T đứng tên trong giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô để thực hiện thủ tục bán đấu giá thu hồi nợ theo hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận và quy định của pháp luật.

5. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Đức T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000(hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 750.000(bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Cơ quan điều tra CATP BT (1b);
- Cơ quan THAHS CATP BT (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã PT, h. CT(1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Thúy

Trần Văn Hồ

Nguyễn Thị Đoan Trang